**KHUNG MA TRẬN ĐỀ**

**KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | **Đặc điểm vị trí địa lí hình dạng lãnh thổ Việt Nam** **(0,5 đ)** | – Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ– Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | 2TN |  |  |  |
| 2 | **Đặc điểm địa hình và khoáng sản việt nam****(1-3 đ)** | – Đặc điểm chung của địa hình– Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình– Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế– Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | 4TN | 1TL (1,5đ)\* |  | 1TL (b)\* |
| 3 | **Đặc điểm khí hậu và thuỷ văn Việt Nam****(1,5-3,5 đ)** | – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng– Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam | 2TN | 1TL (1,5đ)\* | 1TL (a)(1,0 đ) | 1TL(b)\* |
| Số câu/ loại câu | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu TL (b) |
| ***Tỉ lệ %******(50%=5,0 điểm)*** | ***20******(2,0 điểm)*** | ***15******(1,5 điểm)*** | ***10******(1,0 điểm)*** | ***5******(0,5 điểm)*** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: ĐỊA LÍ 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | **Đặc điểm vị trí địa lí hình dạng lãnh thổ Việt Nam****(0,5 đ)** | – Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ– Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.**Thông hiểu**– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. | 2TN (0,5 điểm) |  |  |  |
| 2 | **Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam****(1-3 đ)** | – Đặc điểm chung của địa hình– Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình– Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế– Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | **Nhận biết** – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.– Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. **Thông hiểu**– Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.– Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.**Vận dụng**– Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. | 4TN (1 điểm) | 1TL (1,5đ)\* |  | 1TL (b)\*(0,5 điểm) |
| 3 | **Đặc điểm khí hậu và thuỷ văn Việt Nam****(1,5-3,5 đ)** | – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng– Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.**Thông hiểu**– Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao.– Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam.– Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.**Vận dụng**– Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.– Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.**Vận dụng cao**– Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. | 2TN (0,5 điểm) | 1TL (1,5đ)\* | 1TL(a) (1,0đ) | 1TL(b)\*(0,5 điểm) |
| Số câu/ loại câu |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu TL (b) |
| ***Tỉ lệ %******(50%=5,0 điểm)*** |  | ***20******(2,0 điểm)*** | ***15******(1,5 điểm)*** | ***10******(1,0 điểm)*** | ***5******(0,5 điểm)*** |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Đề gồm 01 trang* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2022- 2023****MÔN: ĐỊA LÍ 8 (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)*****Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề*** |

 **I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

**Câu 1.** Điểm cực Bắc của Việt Nam nằm ở vĩ độ

A. 23o24’B. B. 23o23’B. C. 23o20’B. D. 23o22’B.

**Câu 2.** Ý nào dưới đây đúng về vị trí địa lí nước ta?

A. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.

B. Tiếp giáp Trung Quốc và Ấn Độ.

C. Nằm ở vùng nội chí tuyến nửa cầu Bắc.

D. Không tiếp giáp với biển.

**Câu 3**. Hướng nghiêng chung của địa hình Việt Nam là

A. tây nam – đông bắc. B. đông bắc – tây nam.

C. tây bắc – đông nam. D. đông nam – tây bắc.

# Câu 4. Dạng địa hình nào chiếm diện tích lớn nhất của nước ta?

A. Cao nguyên. B. Đồng bằng. C. Trung du. D. Núi thấp.

**Câu 5.** Than đá tập trung nhiều ở tỉnh

A. Quảng Ninh B. Quảng Trị C. Quảng Bình D. Quảng Nam

**Câu 6.** Bắc Giang thuộc vùng núi

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

**Câu 7.** Khí hậuViệt Nam chia ra làm mấy mùa chính?

A. Một mùa.               B. Hai mùa. C. Ba mùa.       D. Bốn mùa.

**Câu 8.** Loại gió hoạt động thường xuyên vào mùa đông ở miền Bắc nước ta là

A. gió mùa đông nam B. gió mùa đông bắc C. gió mùa tây nam D. gió Tín Phong

 **II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm)**

Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc ở nước ta.

**Câu 2. (1,5 điểm).**

a.Phân tích vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch của Đà Lạt?

b. Để ứng phó với sự biến đổi khí hậu ở Việt Nam, chúng ta cần có những giải pháp gì?

----------- HẾT ----------

*Họ tên học sinh……………………………….số báo danh…………………*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT** **HUYỆN TÂN YÊN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023****MÔN: PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 8** |

 **I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm):** Chọn đúng mỗi câu được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án**  | B | C | C | D | A | B | B | B |

 **II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần trình bày** | **Điểm** |
| **1** | **Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc** | **1,5** |
| - Vị trí: tả ngạn sông Hồng- Đặc điểm: + Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp với 4 cánh cung lớn ( sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều).+ Hướng nghiên chung: thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.+ Vùng có địa hình các-xtơ đá vôi độc đáo có mặt ở nhiều nơi. | 0,250,50,50,25 |
| **2** | **a. Vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch của Đà Lạt** | ***1,0*** |
| - Đà Lạt có khí hậu ôn đới với nền nhiệt độ thấp nhiệt độ trung bình năm dao động từ 18 - 300c. - Khí hậu chia ra làm hai mùa : một mùa khô và một mùa mưa.- Tổng lượng mưa TB năm 1562 mm và độ ẩm không khí 82%.- Với đặc điểm khí hậu trên Đà Lạt rất thuận lợi để phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. | *0,25**0,25**0,25**0,25* |
| **b. Những giải pháp để ứng phó với sự biến đổi khí hậu ở Việt Nam** | ***0,5*** |
| - Bảo vệ rừng, trồng rừng.- Hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch, tiết kiệm điện…*(GV có thể linh hoạt cho điểm theo ý tưởng làm bài của học sinh)* | 0,250,25 |